

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 754/2022/HC-PT

Ngày 16/9/2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ
và tái định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 770/2020/TLPT-HC ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1586/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số Số: 1617/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1931, chết ngày 01/12/2020

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P:

- Ông Bùi Quốc B, sinh năm 1967; Địa chỉ: 85/99G Đường P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Ông B ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Hoàng Việt P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 96/96E, đường H (Lầu 2), phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2022 tại Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Quốc B: Luật sư Hoàng Lam Thụy Châu – Công ty Luật TNHH Hoàng Lam thuộc Đoàn Luật sư Thành phố

Hồ Chí Minh. Địa chỉ : Tầng 1 Tòa nhà Pasksimex –Số 52 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1969; Địa chỉ: 30 đường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Bùi Thị Ánh V, sinh năm 1971; Địa chỉ: 42/210 D2 đường H, Phường 7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: 85/99G Đường P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 118/112 Đường B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Bùi Thị Xuân A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 118/112 Đường B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Bùi Phú Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 118/112 Đường B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (xin vắng mặt);

2.3. Ủy ban nhân dân quận B (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 06 đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B: Ông Hồ Phương, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Ngọc Anh Huy, chức vụ: Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B; ông Nguyễn Văn Dũng, chức vụ: Nhân viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 118/112 Đường B, Phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn P; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2019, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 13/8/202, người khởi kiện ông Bùi Văn P có ông Hoàng Việt P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1991 ông P nhận chuyển nhượng 3.379,8m² đất của bà Lê Thị Bạch

Tuyết và bà Nguyễn Thị Sương. Theo tài liệu 299/TTg thì khu đất này thuộc thửa số 1, 2, 5, 7, 11 tờ bản đồ duy nhất Bộ địa chính Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ông P nhận chuyển nhượng thì trên đất đã có nhà. Giữa năm 1992, ông P hoàn thành việc xây dựng nhà trên khu đất này. Theo Bản vẽ hiện trạng do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 09/6/2010 thì trên đất của ông P có 06 căn nhà với tổng diện tích 340,6m². Trong quá trình sử dụng, ông P tách khu đất trên thành 04 phần, giao cho: Bùi Văn Trung (em ruột), Bùi Thị Sinh (em ruột), Bùi Quốc B (con ruột) mỗi người một phần. Ông P sử dụng phần đất còn lại có diện tích là 849,7m². Ông P được Ủy ban nhân dân quận B cấp số nhà là 7/34 đường Thanh Đa, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: 27/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu phố 1, Tổ 18, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 17/12/2012, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định số 8814/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 7/34 Thanh Đa, phường 27, quận B. Theo quyết định này, Ủy ban nhân dân quận B chỉ bồi thường, hỗ trợ cho ông P tổng số tiền 1.995.121.900 đồng. Ngày 09/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 13773/QĐ-UBND. Ngày 15/6/2018, Chủ tịch Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2552/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại.

Việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ theo các Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018, Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 và quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 là không đúng pháp luật, không đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông P:

Thu hồi của ông P diện tích 849,7m² đất nhưng chỉ bồi thường, hỗ trợ 662,2m² đất, không bồi thường, hỗ trợ 187,5m² đất còn lại: Toàn bộ phần đất diện tích 849,7m² của ông P là đất do ông P nhận chuyển nhượng hợp pháp, không lấn chiếm của bất cứ ai.

Ông P đã hoàn thành việc xây dựng nhà trên đất từ năm 1992 nhưng ủy ban lại xác định thời điểm xây dựng nhà trên đất không đúng, từ đó ảnh hưởng đến việc xác định loại đất làm căn cứ bồi thường. Điều này thể hiện qua: Các biên lai đóng thuế nhà và đất số 004391 ngày 05/4/1993 thể hiện ông P đóng thuế nhà và đất, tức là trên đất đã có nhà ở; Giấy báo thay đổi thường trú ngày 05/02/1993 thể hiện ngày 05/02/1993 trên đất của ông P đã có căn nhà mang số 27/9 Phường 27, quận B nên ông P mới xin chuyển thường trú về căn nhà này; Đơn xin xác nhận tình trạng tạm trú ngày 30/8/1999 thể hiện ông P đã ở tại căn nhà số 27/9 Phường 27, quận B từ năm 1991; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 28/01/2000 thể hiện ông P đã ở tại căn nhà số 27/9 Phường 27, quận B từ năm 1991; Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 12/3/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc xử phạt vi phạm xây dựng thể hiện rõ nội dung: “Ông Bùi Văn P, ngụ tại 7/34 đường Thanh Đa phường 27 quận B, có hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, tại nhà số 7/34 đường Thanh Đa (thuộc thửa số 1, 3, 4, 12; tờ bản đồ 1) phường 27, quận B, vào tháng 6/1992”. Công

văn số 38/CV-UB-QLĐT ngày 10/01/2001 của Ủy ban nhân dân quận B: thể hiện có nhà trên đất; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Đo đạc Địa chính & Công trình – Trung tâm địa chính Đô thị phía Nam lập ngày 16/11/2001: thể hiện trên đất có nhà với hiện trạng nhà vách gỗ, mái tole; Công văn số 17198/VPĐK-KT ngày 15/11/2011 về việc đối chiếu vị trí và cung cấp thông tin theo tài liệu lưu trữ (Hồ sơ số 1066/XM/2011). Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 15 Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B, Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp là không đúng pháp luật, ông P đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở.

Không bồi thường, hỗ trợ cho ông P đối với công trình xây dựng trên đất là không đúng. Khoản 1 Điều 25 Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B; Nhà ở của ông P đã xây dựng hoàn thành trước ngày 15/10/1993 và đã được cấp sổ nhà, điều này được thể hiện rất rõ trong bản vẽ nên đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định của pháp luật. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B không bồi thường, hỗ trợ cho ông P đối với công trình xây dựng trên đất là không đúng pháp luật.

Áp giá bồi thường hỗ trợ theo hẻm cấp còn lại, vị trí 3 đường Thanh Đa với chiều rộng hẻm từ 2m đến dưới 3m, do đất có chiều rộng hẻm trên 5m: Nhà đất bị thu hồi thuộc đoạn 1.4, hẻm có chiều rộng 8m, thể hiện tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 04/4/2018 của Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố. Chiều rộng này ứng với đơn giá 30.855.232 đồng/m² đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt cho đất có vị trí thuộc đoạn 1.4 hẻm cấp 2, vị trí đường Thanh Đa (hẻm rộng trên 5m). Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B không áp giá bồi thường hỗ trợ cho ông P theo đơn giá 30.855.232 đồng/m² là không đảm bảo cho quyền lợi hợp pháp của ông P.

Vì các lý do trên, ông P yêu cầu hủy Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân quận B. Buộc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường hỗ trợ cho ông P đủ đối với toàn bộ phần đất diện tích 849,7m² theo giá đất ở với đơn giá áp dụng cho hẻm chiều rộng trên 5m, cụ thể là 30.855.232 đồng/m² và bồi thường toàn bộ nhà ở và công trình xây dựng trên đất.

Tại Văn bản số 2026/UBND-NCPC ngày 21/3/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Căn cứ pháp lý để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018:

+ Về nguồn gốc, quá trình tạo lập và quản lý nhà nước đối với nhà đất số 7/34 Thanh Đa, phường 27, quận B:

Nhà đất tại địa chỉ số 27/9 Xô Viết Nghệ Tĩnh (nay là số 7/34 Thanh Đa), Phường 27, quận B do ông Bùi Văn P là người đứng tên sang nhượng một thửa ao rau muống diện tích 350 m² của bà Lê Thị Bạch Tuyết bằng giấy tay ngày

12/3/1992 và lô đất hoa màu không ghi diện tích của bà Nguyễn Thị Sương bằng giấy viết tay vào 18/5/1992. Sau khi sang nhượng, ông P tự bồi đắp, cải tạo, xây dựng nhà cấp 4 để ở đến thời điểm thu hồi đất (năm 2011) và có nộp thuế nhà đất từ năm 1992 đến năm 2009.

Theo tài liệu 299/TTg khu đất này thuộc thửa số 1,2,3,4,5,6 tờ bản đồ duy nhất, trong đó thửa số 1 do Ủy ban nhân dân phường 27, quận B đăng ký, loại đất chuyên dụng khác; thửa số 2 có vị trí tại đầu lô I cư xá Thanh Đa là đất công do Ủy ban nhân dân phường 27, quận B đăng ký và các thửa số 3,4,5,6 do ông Dương Văn Diệp, bà Nguyễn Thị Sương đăng ký, loại đất rau, ao.

Theo tờ khai nhà đất năm 1999, ông Bùi Văn P đăng ký sử dụng diện tích đất 2.170m², trên đất có một căn nhà: kết cấu khung gỗ, lợp tôn, vách ván, nền lót gạch, diện tích xây dựng 250m². Theo bản đồ địa chính Phường 27 quận B lập năm 2002, khu đất trên có diện tích 2.407,7m² loại đất thổ cư, thuộc các thửa số 1, 3, 4, 12 tờ bản đồ số 1, trong đó: tại khuôn viên thửa đất số 12 diện tích 662,4m² do ông Bùi Văn P sử dụng (đất trống, không có nhà); thửa số 4 diện tích 416,5m² do ông Bùi Quốc B sử dụng là (đất trống, không có nhà); thửa đất số 3 diện tích 711,4m² do bà Bùi Thị Sinh sử dụng (thể hiện có cấu trúc nhà) và thửa số 1 diện tích 617,4m² do ông Bùi Văn Trung sử dụng (thể hiện có cấu trúc nhà). Toàn bộ 04 thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, có lập Biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất năm 2000 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 27 quận B và chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp, có ghi Sổ dã ngoại năm 2001.

Ngày 16/5/2002, ông P có tờ tường trình nguồn gốc đất để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với tích đất 2.170m². Đến ngày 18/9/2002 ông P tiếp tục có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, trong đó tự khai nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất trên là của mình. Ngày 24/12/2002, Phòng Quản lý Đô thị quận B có Văn bản số 9392/QL-ĐT trả lời: *“không thể xem xét giải quyết theo yêu cầu của ông P do vị trí nhà đất của ông P thuộc hành lang bảo vệ sông Sài Gòn và kênh Thanh Đa”*.

Sau khi được Ủy ban nhân dân quận B cấp số nhà 7/34 Thanh Đa theo Thông báo cấp số nhà số 07/TB-UBND-NVHCC ngày 04/01/2005, ngày 23/8/2005 ông P tiếp tục có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích khuôn viên 2.441,5m².

Ngày 17/7/2007, ông Bùi Văn P và bà Đoàn Thị X lập hồ sơ xin cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.441,5m² tại các thửa 1,3,4,12 tờ bản đồ số 1. Tuy nhiên do vị trí nhà đất nằm trong hành lang bảo vệ kênh Thanh Đa (30m) và hành lang bảo vệ sông Sài Gòn (50m) theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố nên UBND quận B không xem xét cấp giấy chứng nhận cho ông P.

Ngày 12/3/2007, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định số 2114/QĐ-UBND xử phạt vi phạm xây dựng đối với ông P do hành vi xây dựng

công trình không có giấy phép xây dựng tại khu đất trên, đồng thời cho phép tồn tại công trình vi phạm trên nền đất có diện tích xây dựng 309,15m².

+ Về nội dung khiếu nại và kết quả kiểm tra xác minh:

Nội dung khiếu nại: Theo đơn khiếu nại đề ngày 03/12/2015 và kết quả làm việc ngày 29/12/2015 với Thanh tra Thành phố, ông P khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B với yêu cầu bồi thường 100% đơn giá theo hạn mức đất ở và yêu cầu áp giá bồi thường chiều rộng hẻm lớn hơn 5m.

Kết quả xác minh:

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường 100% đơn giá theo hạn mức đất ở:

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường giải tỏa do Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng –Thương mại –Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 19/6/2010 được Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B kiểm tra, xác nhận, diện tích xây dựng 340,6m² thuộc diện tích 662,2m² theo tài liệu 299/TTg có nguồn gốc đất rau do tư nhân đăng ký, theo tài liệu bản đồ địa chính chính quy phường 27, quận B lập năm 2002 thể hiện đất trống không có nhà, xác định nhà xây dựng sau ngày 22/4/2002. Do đó Ủy ban nhân dân quận B bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp và hỗ trợ 50% theo đơn giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo khoản 3 điều 15 Phương án bồi thường số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của UBND quận B; Khoản 2 điều 22 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố và Công văn số 1982/UBND-ĐTMT ngày 04/5/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đơn giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư tại dự án chống sạt lở bờ kênh Thanh Đa.

Việc ông P cung cấp bản vẽ hiện trạng nhà đất do Trung tâm địa chính Đô thị phía Nam lập ngày 16/11/2001 có thể hiện căn nhà vách gỗ, mái tôn để yêu cầu bồi thường theo đơn giá đất ở đối với phần diện tích 340,6m² là không có cơ sở vì căn cứ điểm i, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai quy định: “Việc xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được căn cứ vào ngày tháng năm sử dụng và mục đích sử dụng đất ghi trong các giấy tờ sau: i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ” thì việc bắt đầu chuyển mục đích sử dụng đất của ông P được cơ quan Nhà nước ghi nhận theo bản đồ địa chính chính quy phường 27 lập năm 2002 (là bản đồ của Cơ quan Nhà nước lập để quản lý đất đai) nên không thể căn cứ bản vẽ do ông P tự thuê đơn vị tư vấn lập (chưa được cơ quan Nhà nước thẩm định, kiểm tra).

Đối chiếu các quy định của Luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhận thấy việc Ủy ban nhân dân quận B không bồi thường diện tích đất ở cho ông

P tại thửa số 12 tờ bản đồ số 1 là đúng quy định. Việc ông P khiếu nại yêu cầu bồi thường 100% đơn giá theo hạn mức đất ở là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu áp giá bồi thường chiều rộng hẻm lớn hơn 5m:

Bản đồ hiện trạng do Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng –Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 19/6/2010 được Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B kiểm tra, xác nhận tại vị trí thửa đất số 12 thể hiện lối đi chung có chiều ngang là 2m.

Theo kết quả xác minh thực tế ngày 17/02/2012, Ủy ban nhân dân phường 27 và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B đã khảo sát đường đi, lấy cột mốc từ phía trước của nhà đầu tiên làm điểm dẫn có chiều rộng gần 3m, dẫn vào bên trong các hộ lân cận, có chiều rộng khoảng 5m, không thể hiện đường đi rõ ràng, xung quanh trồng nhiều cây tạp, không thể hiện là vị trí hẻm, chỉ thể hiện là đường đất. Do đó vị trí đất đối với thửa 12 tờ bản đồ số 1 được xác định là hẻm cấp còn lại, vị trí 3 đường Thanh Đa theo điểm 4.1, điểm 4.3 Văn bản hướng dẫn liên Sở số 7575/HD-LS ngày 07/8/2008 của Sở tài chính –Cục Thuế -Sở xây dựng –Sở Tài nguyên và Môi trường quy định:

Điểm 4.1: “*Vị trí 3, có chiều rộng hẻm từ 2 đến dưới 3m...*”.

Điểm 4.3: “*cấp hẻm còn lại là hẻm có vị trí tiếp giáp với hẻm cấp 2...*”.

Đối chiếu các quy định của Luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhận thấy việc UBND quận B xác định vị trí thửa đất số 12 là hẻm cấp còn lại là đúng quy định. Việc ông P khiếu nại yêu cầu được áp giá bồi thường chiều rộng hẻm lớn hơn 5m là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

+ Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 về giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P là phù hợp pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018.

Tại Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 13/8/2020, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Nguyễn Văn Dũng trình bày:

Nguồn gốc tạo lập và quá trình sử dụng:

Khu đất tại địa chỉ số 7/34 Thanh Đa, Phường 27, quận B do ông Bùi Văn P là người đứng tên đại diện cho 04 hộ (ông Bùi Văn P, bà Bùi Thị Sinh, ông Bùi Văn Trung và ông Bùi Quốc B) cùng góp vốn để sang nhượng lại đất ao rau muống (350m²) của bà Lê Thị Bạch Tuyết và lô đất hoa màu (không ghi diện tích) của bà Nguyễn Thị Sương bằng giấy viết tay vào năm 1992. Sau khi sang nhượng, các hộ tự bồi đắp, cải tạo, xây dựng nhà để ở (Theo tờ tường trình và cam kết ngày 18/5/2011 của ông Bùi Văn P).

Theo tờ khai nhà đất năm 1999, ông Bùi Văn P, ông Bùi Văn Trung và ông Bùi Quốc B đứng tên đăng ký sử dụng diện tích đất 2.170m², trên đất có một căn nhà: kết cấu khung gỗ, lợp tôn, vách ván, nền lót gạch, diện tích xây dựng 250m².

Theo bản đồ địa chính Phường 27 quận B lập năm 2002, khu đất trên gồm 04 thửa (số 12, 4, 3 và 1) từ bản đồ số 1, trong đó: tại khuôn viên thửa đất số 12 diện tích 662,4m² do ông Bùi Văn P sử dụng (đất trống, không có nhà); thửa số 4 diện tích 416,5m² do ông Bùi Quốc B sử dụng là (đất trống, không có nhà); thửa đất số 3 diện tích 711,4m² do bà Bùi Thị Sinh sử dụng (thể hiện có cấu trúc nhà) và thửa số 1 diện tích 617,4m² do ông Bùi Văn Trung sử dụng (thể hiện có cấu trúc nhà). Toàn bộ 04 thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở, có lập Biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất năm 2000 có xác nhận của UBND Phường 27 quận B và chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp, có ghi Sổ dã ngoại năm 2001.

Thực tế hiện nay trên mảnh đất trên có 4 căn nhà do 4 hộ ông P, bà Sinh, ông Trung, ông B đang thực tế sử dụng có cùng địa chỉ nhà 7/34 Thanh Đa, Phường 27, quận B. Cả khu vực trong đó có phần diện tích đất của gia đình ông P đều không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất đang có dự án, đang trong quy hoạch. Về phần đất hẻm mà ông P yêu cầu bồi thường thì Ủy ban nhận định đây là phần diện tích đất mà gia đình ông P tự chừa ra để các hộ có lối đi vào phần diện tích của mình vì khi đã chia đất là phải có đường vào, bản đồ địa chính chính quy không ghi nhận đường hẻm này mà chỉ có một đường hẻm rộng 8m duy nhất dẫn vào mảnh đất chung của gia đình ông P.

Về thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Khoản 3, Điều 15; Khoản 4, Điều 16; Khoản 2, Điều 22 và Khoản 3, Điều 25 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất có nhà ở nhưng không có giấy tờ hoặc có giấy tờ là đất nông nghiệp. Căn cứ Bản vẽ hiện trạng lập ngày 09/6/2010 để phục vụ công tác bồi thường thể hiện: Diện tích thu hồi (toàn phần) là 849,7m², diện tích xây dựng là 340,6m². Đối chiếu Tài liệu 299/TTg, Bản đồ địa chính Phường 27 và Bản vẽ hiện trạng thì vị trí nhà, đất số 7/34 Thanh Đa của ông P thuộc cấp hẻm còn lại, vị trí 3; vừa có đất (rau, ao) tư nhân đăng ký và đất do chiếm dụng diện tích giải tỏa 849,7m²: trong đó: Thuộc một phần các thửa số 2, 3, 4, 5, 6 và 7 từ bản đồ số 1, do ông Dương Văn Điệp và bà Nguyễn Thị Sương đăng ký sử dụng loại đất rau, ao diện tích 662,2m² (theo Tài liệu 299/TTg); Một phần kênh Thanh Đa, diện tích 187,5m² sử dụng sau ngày 22/4/2002 (theo Bản đồ địa chính Phường 27, không thể hiện phần diện tích này).

Ngày 17/12/2012, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 8814/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 7/34 Thanh Đa, Phường 27, quận B của ông Bùi Văn P – bà Đoàn Thị X số tiền 1.995.121.900 đồng, tại Phiếu Chiết tính số 11/P27 ngày 09/7/2012 là: Phần diện tích 662,2m²/849,7m² được tính bằng 100% đơn giá đất nông nghiệp và hỗ trợ bằng 50% đơn giá đất ở trung bình của khu vực, cụ thể: 662,2m² x {342.000 đồng + (50% x 5.300. 000 đồng)} = 1.981.302.400 đồng; Đối với phần diện tích 187,5m²/849,7m² đất có nguồn gốc lấn chiếm kênh Thanh Đa sử dụng sau ngày 22/4/2002, không được bồi thường, hỗ trợ.

Về bồi thường, hỗ trợ về cấu trúc nhà: Qua đối chiếu Bản vẽ hiện trạng đề bồi thường và Bản vẽ ngày 20/4/2006, thì chủ sử dụng tự xây dựng căn nhà không phép sau thời điểm ngày 01/7/2004; Do đó toàn bộ diện tích xây dựng 340,6m² theo Bản vẽ hiện trạng không tính hỗ trợ.

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, tôi nhận thấy việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần nhà đất số 7/34 đường Thanh Đa, phường 27, quận B của ông Bùi Văn P theo Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân quận B là đúng theo quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 về giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận và giữ nguyên các Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân quận B và bác nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P.

Tại Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 13/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị X do ông Bùi Văn P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Xuân thông nhất hoàn toàn ý kiến trình bày của ông Bùi Văn P và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1586/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 182, Điều 190, Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ Phương án số 118/PA-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B; Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn P:

1.1. Hủy Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P.

1.2. Hủy Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P.

1.3. Hủy Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng toàn phần đối với căn nhà số 7/34 đường Thanh Đa, phường 27, quận B của ông Bùi Văn P, bà Đoàn Thị X.

1.4. Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành quyết định hành chính về việc bồi thường cho ông Bùi Văn P theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020 ông Bùi Văn P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định của UBND quận B; buộc UBND quận B bồi thường toàn bộ đất ở và nhà ở. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10769/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P. Ngày 07/10/2020 UBND và Chủ tịch UBND quận B kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền lợi cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P trình bày: Theo Phương án số 118/PA-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B đã quy định nếu diện tích đất thực tế bị thu hồi cao hơn diện tích đất trong giấy và đất không có tranh chấp thì đủ điều kiện để được bồi thường nên diện tích 187,5m² thu hồi của ông P phải được bồi thường theo quy định. UBND quận B dựa vào phần đất nhà ông P mở để tính hẻm dưới 5m là không phù hợp, hẻm vào nhà ông P rộng trên 5m nên phải áp giá hẻm chung rộng trên 5m để bồi thường mới đúng; trên đất của ông P có nhà và có sổ nhà nhưng Ủy ban không bồi thường toàn bộ đất ở nhà ở là không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cho rằng diện tích 187,5m² ông P lấn chiếm kênh Thanh Đa sử dụng sau ngày 22/4/2002, không được bồi thường, hỗ trợ. Theo tài liệu năm 2002 thì trên đất của ông P không có nhà nên UBND chỉ bồi thường đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho ông P nên đề nghị bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đối chiếu Bản đồ địa chính lập ngày 22/4/2002 thể hiện phần đất ông P bị thu hồi là đất trống. Ngày 12/3/2007 UBND quận B ban hành quyết định xử phạt vi phạm xây dựng với hành vi không có giấy phép xây dựng từ tháng 6/1992 và cho tồn tại đối với công trình xây dựng có diện tích 309,15m² nằm trong hành lang an toàn kênh Thanh Đa, với điều kiện "...khi nhà nước có yêu cầu thực hiện cải tạo, sửa chữa, xây

dựng mới công trình, chỉnh trang theo thiết kế đô thị, quy hoạch xây dựng được duyệt thì ông P phải có trách nhiệm thi hành theo quy định pháp luật”. Theo Nghị định 84/2007/NĐ-CP ông P yêu cầu bồi thường đất ở nhà ở là không có căn cứ; ông P cung cấp bản vẽ do cơ quan tư vấn đo vẽ có nhà là không phù hợp, UBND bồi thường đất nông nghiệp là đúng quy định. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông P là chưa có cơ sở, đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn P, kháng cáo của UBND và Chủ tịch UBND quận B, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10769/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, người khởi kiện ông Bùi Văn P chết ngày 01/12/2020. Tòa án đã xác định được những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P tham gia tố tụng theo quy định.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P, Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của UBND quận B về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng toàn phần đối với căn nhà số 7/34 đường Thanh Đa, phường 27, quận B của ông Bùi Văn P, bà Đoàn Thị X; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Ngày 13/02/1992, ông Bùi Văn P nhận chuyển nhượng của bà Tuyết 350m² đất ao, trồng rau muống, hai bên có làm giấy tay; ngày 18/5/1992, ông P tiếp tục nhận chuyển nhượng của bà Sương đất màu không ghi diện tích, hai bên có làm giấy tay. Ông P đã bồi đắp, quản lý sử dụng đất từ năm 1992 đến nay và đóng thuế đất đến năm 2009. Như vậy, có căn cứ ông P là người quản lý sử dụng đất từ năm 1992 đến nay ổn định, không có ai tranh chấp.

[2.2]. Theo tài liệu 229/TTg thì khu đất này gồm các thửa đất sau: Thửa 1, 2, 3, 4, 5, 6, trong đó thửa 1, 2 UBND phường 27, UBND quận B đăng ký, còn thửa 2, 3, 4, 5, 6 ông Điệp bà Sương đăng ký đất trồng rau, đất ao; theo tài liệu năm 1999, ông P kê khai sử dụng diện tích đất 2.170m², trên đất có căn nhà 250m². Tuy nhiên, tại Bản đồ địa chính năm 2002, xác định các thửa đất 1, 3, 4, 12 từ bản đồ số

1, có diện tích là 2.407,7m²; trong đó thửa đất số 12, có diện tích 662,4m² do ông Bùi Văn P sử dụng là đất trống; thửa đất số 4, có diện tích 416,5m² do ông Bùi Quốc B sử dụng là đất trống; thửa đất số 3, có diện tích 711,4m² do bà Bùi Thị Sinh sử dụng có nhà; thửa đất số 1, có diện tích 617,4m² do ông Bùi Văn Trung sử dụng có nhà. Diện tích đất 2.407,7m² ông P và gia đình ông P sử dụng được UBND phường 27, quận B xác nhận năm 2000, được chủ sử dụng đất giáp ranh ký xác nhận và được đăng ký vào sổ giã ngoại năm 2001 của UBND phường 27, quận B. Do đó, có căn cứ xác định ông P sử dụng diện tích 662,4m², tại thửa số 12, tờ bản đồ số 1; còn diện tích 187,5m² là đất hành lang kênh, sông Thanh Đa, ông P yêu cầu được bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đất ông P nhận chuyển nhượng là đất ao, trồng rau muống; đến nay ông P cũng chưa chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp thành đất ở. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cũng xác nhận diện tích đất ông P bị thu hồi, quy hoạch là khu dân cư. Do đó, UBND quận B bồi thường theo đất nông nghiệp nhưng có xem xét hỗ trợ thêm đất xen kẽ khu dân cư là phù hợp. Do đó, ông P kháng cáo yêu cầu bồi thường 100% đất ở là không có căn cứ.

[2.4]. Căn cứ Bản đồ hiện trạng do Công ty Cổ phần đo đạc xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 19/6/2010, kết quả xác minh thực tế ngày 17/02/2012, của UBND phường 27 và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B đã khảo sát đường đi, lấy cột mốc từ phía trước của nhà đầu tiên làm điểm dẫn có chiều rộng gần 3m, dẫn vào bên trong các hộ lân cận, có chiều rộng khoảng 5m. Do đó UBND quận B xác định vị trí đất đối với thửa 12 tờ bản đồ số 1, được xác định là hẻm cấp còn lại, vị trí 3 đường Thanh Đa theo điểm 4.1, điểm 4.3 Văn bản hướng dẫn liên Sở số 7575/HD-LS ngày 07/8/2008 của Sở Tài chính – Cục Thuế -Sở Xây dựng –Sở Tài nguyên và Môi trường quy định: Điểm 4.1: “*Vị trí 3, có chiều rộng hẻm từ 2 đến dưới 3m...*”. Điểm 4.3: “*cấp hẻm còn lại là hẻm có vị trí tiếp giáp với hẻm cấp 2...*”. để bồi thường cho ông P là có căn cứ. Do đó, việc ông P kháng cáo yêu cầu được áp giá bồi thường chiều rộng hẻm lớn hơn 5m là không có cơ sở.

[2.5]. Căn cứ Quyết định xử phạt số 2114/QĐ-UBND ngày 12/3/2007 của Ủy ban nhân dân quận B về việc xử phạt xây dựng đối với ông Bùi Văn P do hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, tại nhà số 7/34 Thanh Đa (thuộc thửa số 1, 3, 4, 12 tờ bản đồ số 1) Phường 27, quận B xác định ông P xây dựng nhà không có giấy phép xây dựng, diện tích xây dựng 309,15m², thời điểm xây dựng tháng 6/1992 và cho tồn tại đối với công trình xây dựng có diện tích 309,15m² nằm trong hành lang an toàn kênh Thanh Đa, với điều kiện “...khi nhà nước có yêu cầu thực hiện cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới công trình, chỉnh trang theo thiết kế đô thị, quy hoạch xây dựng được duyệt thì ông P phải có trách nhiệm thi hành theo quy định pháp luật”; căn cứ Bản đồ địa chính năm 2002, xác định thửa đất 12 tờ bản đồ số 1, có diện tích 662,4m² do ông P sử dụng là đất trống, nên UBND quận B bồi thường nhà cho bà Sinh 124,9m², ông Trung 93,65m² và không bồi thường nhà ở cho ông P là phù hợp; vì phần nhà 340,6m² ông P tự xây dựng sau ngày 01/7/2004.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; lời trình bày của luật sư bảo vệ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm. Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm nhưng do người khởi kiện thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn. Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Văn P, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10769/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 1586/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 182, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 74, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn P, về việc yêu cầu:

1.1. Hủy Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P.

1.2. Hủy Quyết định số 13773/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn P.

1.3. Hủy Quyết định số 8814/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng toàn phần đối với căn nhà số 7/34 đường Thanh Đa, phường 27, quận B của ông Bùi Văn P, bà Đoàn Thị X.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Bùi Văn P được miễn.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn P được miễn.

Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0092947 ngày 01/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cho Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý